

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày: 26 - 03 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Nhật Tân.

Ông Lại Đức Lợi

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 28/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 02/3/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 12/3/2021 đối với bị cáo:

Tạ Văn T - sinh năm 1976 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Thanh M, sinh năm 1948 và bà Trần Thị C, sinh năm 1952; Vợ: Ngô Thị N1, sinh năm 1978; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Hữu L – Luật sư văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

* *Bị hại:*

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn T2, xã N2, huyện K, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Anh Trần Hữu V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn P, xã N2, huyện K, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Anh Vũ Duy K1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn L1, xã Đ, huyện T1, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020, do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Tạ Văn T đã nói với những người có nhu cầu mua đất để làm nhà ở là T quen biết với những người có đất bán và bản thân mình đang đầu tư đất trên thành phố T3 nên có nhiều mối quan hệ và nhiều thông tin về giao dịch đất đai. Nếu có người nhờ mua đất hộ, T yêu cầu những người này chuyển tiền cho T, sau khi nhận được tiền, T không liên hệ với ai để mua đất cho họ mà sử dụng tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2020, T đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 3 người với tổng số tiền 1.540.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 02/2020, T biết chị Trần Thị H có nhu cầu mua đất tại thành phố T3, T nói với chị H “Anh có quen một người có 02 suất đất ở khu dân cư V1, thành phố T3 bán, nếu muốn mua thì họ để cho với giá ngoại giao”. Chị H đã tin tưởng và nhờ T đứng ra mua giúp. Ngày 25/2/2020, T dẫn chị H đến khu dân cư ở xã V1, thành phố T3 để xem đất, nhưng vì khu dân cư đang tiến hành xây dựng hạ tầng không vào được bên trong nên T đứng ngoài cổng chỉ vào phía trong khu vực đường đôi nói với chị H là đất nằm trên trục đường này. Sau đó, T cho chị H số tài khoản 03404205069140 của T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, bảo chị H chuyển khoản tiền mua đất cho T để chiếm đoạt số tiền này. Chị H đã chuyển tiền cho T 3 lần: Ngày 26/02/2020, chuyển 240.000.000 đồng, ngày 25/3/2020, chuyển 50.000.000 đồng, ngày 03/4/2020 chuyển 200.000.000 đồng. Tổng số tiền mà chị H đã giao cho T là 490.000.000 đồng. Để chị H tin tưởng, T còn yêu cầu chị H đưa cho T bản photo căn cước công dân và sổ hộ khẩu của vợ chồng chị H. T hứa hẹn là sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị H, đến

tháng 6 hoặc tháng 7/2020 vợ chồng chị H sẽ có sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tuy nhiên T không thực hiện công việc như đã hứa hẹn mà sử dụng số tiền của chị H để chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Cũng trong tháng 02/2020, anh Trần Hữu V (là em họ của chị H) cũng có nhu cầu mua đất làm nhà ở nên nhờ chị H tìm mua giúp, chị H giới thiệu T cho anh V. Anh V nhờ T mua đất. Chiều ngày 15/3/2020, T dẫn anh V đến khu dân cư V1 để xem đất nhưng cũng không vào được bên trong, T nói với anh V nếu mua thì vị trí đất của anh V và chị H liền kề nhau. Anh V đồng ý. T yêu cầu anh V chuyển tiền cho T để làm thủ tục giấy tờ mua đất. Tin tưởng T, anh V đã chuyển tiền cho T 6 lần qua tài khoản ngân hàng của T, cụ thể: Ngày 16/3/2020 chuyển 190.000.000 đồng, ngày 18/3/2020 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 21/3/2020 chuyển 40.000.000 đồng; ngày 23/3/2020 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 27/3/2020 chuyển 30.000.000 đồng; ngày 13/4/2020 chuyển 200.000.000 đồng. Tổng số tiền mà anh V chuyển cho T là 500.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Do có mối quan hệ quen biết với anh Vũ Duy K1 nên tháng 02/2020, T chủ động liên lạc qua điện thoại với anh K1 và giới thiệu T có chung tiền với một số người đang làm thủ tục để mua 4.000 m² đất ruộng tại xã P1, thành phố T3 với giá từ 2.200.000 đồng đến 2.600.000 đồng/1m², sau đó san lấp, phân lô bán đất nền với giá khoảng 4.000.000 đồng/1m². Nếu anh K1 mua thì T sẽ cắt đất ra bán cho anh K1. Sau khi nghe T giới thiệu, anh K1 tin tưởng nên nhờ T mua giúp. T yêu cầu anh K1 phải chuyển tiền đủ số tiền 550.000.000 đồng để làm thủ tục giấy tờ mua đất và hẹn đến cuối tháng 4/2020 sẽ hoàn thiện giấy tờ đất. Do tin tưởng T nên anh K1 đã chuyển tiền cho T qua tài khoản Ngân hàng 05 lần, cụ thể: Ngày 13/2/2020 chuyển 150.000.000 đồng; ngày 03/3/2020 chuyển 250.000.000 đồng; ngày 06/3/2020; ngày 11/3/2020 và ngày 18/3/2020 mỗi ngày chuyển 50.000.000 đồng. Tổng số tiền mà anh K1 đã chuyển cho T là 550.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền của chị H, anh K1 và anh V, T đã mang đi trả các khoản nợ và chi tiêu cá nhân, không liên hệ với cá nhân, tổ chức nào để mua đất như đã hứa hẹn với các bị hại. Đến tháng 5/2020 khi bị chị H, anh K1 và anh V hỏi về giấy tờ đất, T thừa nhận không dùng tiền mua đất mà sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Cáo trạng số 11/CT-VKSTB ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Tạ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối hứa mua đất hộ những người có nhu cầu, đưa ra những thông tin không đúng sự thật để họ tin tưởng, giao tiền cho bị cáo nhờ mua đất hộ, từ đó bị cáo đã chiếm đoạt của chị Trần Thị H 490.000.000 đồng; anh Trần Hữu V 500.000.000 đồng và anh Vũ Duy K1 550.000.000 đồng.

- Các bị hại có mặt tại phiên tòa là chị H, anh K1 trình bày do tin tưởng bị cáo có thể thực hiện việc mua hộ đất tại thành phố T3 nên đã chuyển tiền theo yêu cầu của bị cáo, bị cáo hứa hẹn trong thời gian ngắn họ sẽ được ký hợp đồng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bị cáo không thực hiện nội dung công việc như đã hứa mà chiếm đoạt tiền của các bị hại, khi các bị hại yêu cầu trả tiền thì trốn tránh. Tuy nhiên, đến nay, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho các bị hại đầy đủ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Các bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo mức án từ 08 đến 09 năm tù về tội “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa: Nhất trí với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề, vì: Bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực tác động tới gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, các bị hại đều đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Bố bị cáo là người có công với Cách mạng.

- Bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Tạ Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, gồm:

- Đơn tố giác tội phạm và lời khai của các bị hại là chị Trần Thị H; anh Trần Hữu V; anh Vũ Duy K1 (bút lục số 62 đến 82; 131 đến 139; 165 đến 180).

- Các giấy biên nhận tiền, giấy nộp tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và giấy khất nợ do chị Trần Thị H giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải ngày 03/8/2020, thể hiện nội dung chị H đã chuyển cho T số tiền 490.000.000 đồng để mua đất tại khu đô thị V1, thành phố T3 và T xin khất nợ, hẹn trả lại tiền (bút lục từ số 83 đến số 87; từ số 118 đến số 120); 29 trang tài liệu in nội dung tin nhắn qua ứng dụng Zalo từ ngày 25/02/2020 đến ngày 08/5/2020 giữa T và chị H về việc T hứa hẹn mua đất cho chị H, việc chuyển tiền và đòi tiền (bút lục từ số 88 đến số 117).

- Các chứng từ giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam do anh Trần Hữu V giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải ngày 03/8/2020, thể hiện nội dung anh V đã chuyển cho T số tiền 500.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng để mua đất tại khu đô thị V1, thành phố T3 (bút lục từ số 141 đến số 154); 09 trang tài liệu in nội dung tin nhắn qua ứng dụng Zalo từ ngày 15/3/2020 đến ngày 28/4/2020 giữa T và anh V về việc T hứa hẹn với anh V về việc mua đất, yêu cầu chuyển tiền mua đất. (bút lục từ số 156 đến số 164).

- Các giấy biên nhận tiền, giấy khất nợ và bản sao kê tài khoản khách hàng Vũ Duy K1 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam do anh Vũ Duy K1 giao nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải ngày 03/8/2020, thể hiện nội dung anh K1 đã chuyển cho T số tiền 550.000.000 đồng để đầu tư vào khu đất P1, thành phố T3 và T xin khất nợ, hẹn trả lại tiền (bút lục từ số 182 đến số 194); 34 trang tài liệu in nội dung tin nhắn qua ứng dụng Zalo từ ngày 27/02/2020 đến ngày 09/5/2020 giữa anh K1 và T

về việc T hứa hẹn với anh K1 về việc đầu tư đất, giá đất và yêu cầu chuyển tiền (bút lục từ số 196 đến số 229).

- Biên bản làm việc lập hồi 15h ngày 03/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải. (bút lục số 302).

- Biên bản làm việc lập hồi 15h ngày 03/8/2020 tại Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải lập (bút lục số 303).

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2020, bằng thủ đoạn gian dối hứa mua đất hộ những người có nhu cầu, khi nhận được tiền của họ, Tạ Văn T không thực hiện công việc như đã hứa, T đã thực chiếm đoạt của chị Trần Thị H 490.000.000 đồng, anh Trần Hữu V 500.000.000 đồng và anh Vũ Duy K1 550.000.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 1.540.000.000 đồng, T sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Tạ Văn T đã phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo đã xâm phạm

đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đồng thời gây mất trật tự, trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, mất niềm tin trong các giao dịch dân sự của quần chúng nhân dân. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện nhiều lần, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng để cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự bị cáo cùng gia đình đã tích cực khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại trong vụ án đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là người có công với Cách mạng.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng, có 04 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1; 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo - như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì khác, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Tạ Văn T 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 05/10/2020.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tạ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và các bị hại chị Trần Thị H, anh Vũ Duy K1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/03/2021. Bị hại Trần Hữu V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình
- Bị cáo;
- Bị hại.
- Lưu HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình